

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 06 tháng 4 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: 5
	Ngày: 4.6.14.12026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2023/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Sở hữu trí tuệ) về quyền tác giả, quyền liên quan, bao gồm:

a) Việc phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo quy định tại khoản 5 Điều 6 của Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Việc sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đối với hệ thống trí tuệ nhân tạo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 5 Điều 11 của Luật Sở hữu trí tuệ;

d) Chuyển đổi số, xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 11b của Luật Sở hữu trí tuệ;

đ) Các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả quy định tại khoản 4 Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ;

e) Việc bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học quy định tại Điều 24 của Luật Sở hữu trí tuệ;

g) Các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Điều 25, Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ; các trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật quy định tại Điều 25a của Luật Sở hữu trí tuệ;

h) Các trường hợp giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Điều 26, Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ;

i) Trường hợp Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan; trường hợp Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ;

k) Việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng quy định tại khoản 3 Điều 43 của Luật Sở hữu trí tuệ;

l) Tỷ lệ phân chia tiền bản quyền trong trường hợp không đạt được thỏa thuận khi bản ghi âm, ghi hình được sử dụng quy định tại khoản 2 Điều 44a của Luật Sở hữu trí tuệ;

m) Thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục và thời hạn cấp, cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan quy định tại khoản 5 Điều 49 và Điều 55 của Luật Sở hữu trí tuệ;

n) Cách thức và đại diện hợp pháp nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ;

o) Tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Điều 56 của Luật Sở hữu trí tuệ;

p) Loại hình và điều kiện hoạt động của tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 3 Điều 57 của Luật Sở hữu trí tuệ;

q) Trách nhiệm pháp lý về quyền tác giả, quyền liên quan đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại Điều 198b của Luật Sở hữu trí tuệ;

r) Tổ chức và hoạt động giám định về quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 6 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ;

s) Trường hợp đặc biệt không áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa sao chép lậu quy định tại khoản 6 Điều 202 của Luật Sở hữu trí tuệ;

t) Điều kiện áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại quy định tại khoản 2 Điều 214 của Luật Sở hữu trí tuệ;

u) Trường hợp cơ quan hải quan chủ động tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại điểm b khoản 2 Điều 216 của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Nghị định này quy định biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Sở hữu trí tuệ về chính sách của Nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, tác phẩm phái sinh, đối tượng không thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả, quyền nhân thân, quyền biểu diễn tác phẩm trước công chúng, quyền của đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm di cao, chủ sở hữu quyền tác giả, quyền của người biểu diễn, sử dụng chương trình phát sóng, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan, tự bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan, tranh chấp và xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, xác định thiệt hại do xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, yêu cầu và giải quyết yêu cầu xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, xử lý xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan, kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Nghị định này không quy định về tiền bản quyền trong trường hợp Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp thuộc giới hạn quyền tác giả, giới hạn quyền liên quan thì thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này.”

Điều 2. Bổ sung khoản 12a vào sau khoản 12 của Điều 3

“12a. Tín hiệu cấp mang chương trình được mã hóa là tín hiệu cấp mang chương trình được truyền đi mà một trong hai đặc tính âm thanh, hình ảnh hoặc cả hai đặc tính này đã được biến đổi, thay đổi nhằm mục đích ngăn cản những người không có thiết bị giải mã tín hiệu cấp hợp pháp thu trái phép chương trình được truyền trong tín hiệu đó.”

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của Điều 5

1. Bổ sung điểm p1 vào sau điểm p khoản 2:

“p1) Xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan; chia sẻ, tích hợp dữ liệu với các cơ quan, tổ chức có liên quan;”

2. Sửa đổi, bổ sung các điểm q, r khoản 2:

“q) Quản lý và tổ chức thực hiện hoạt động giám định về quyền tác giả, quyền liên quan; cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

r) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan trong công tác kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác thanh tra về quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;”

3. Sửa đổi, bổ sung các điểm d, đ khoản 4:

“d) Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tiến hành các thủ tục về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương; cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan;

đ) Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan tại địa phương;”

Điều 4. Bổ sung Điều 5a vào sau Điều 5

“Điều 5a. Việc phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo

1. Quyền tác giả, quyền liên quan đối với tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong trường hợp con người có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo để sáng tạo, định hình hoặc thực hiện chỉ phát sinh theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật Sở hữu trí tuệ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Con người đóng góp đáng kể và mang tính quyết định vào việc sáng tạo tác phẩm, định hình hoặc thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, bao gồm: Cung cấp dữ liệu đầu vào, tham số kỹ thuật mang tính nguyên gốc của mình hoặc xây dựng tài liệu thiết kế đối với chương trình máy tính; thiết lập các câu lệnh để điều khiển hệ thống trí tuệ nhân tạo; đánh giá, lựa chọn, chỉnh sửa, can thiệp hoặc diễn giải kết quả do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra; lựa chọn, sắp xếp, tổ chức nội dung, hình thức thể hiện đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan; đưa ra các quyết định thể hiện ý đồ nghệ thuật, thẩm mỹ hoặc kỹ năng chuyên môn; quyết định kết quả cuối cùng, bảo đảm kết quả phản ánh đúng ý tưởng của mình thay vì sự sắp đặt ngẫu nhiên hoặc tự động của thuật toán;

b) Con người chịu trách nhiệm về nội dung và tính hợp pháp của đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan do mình tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo;

c) Không gây phương hại đến quyền tác giả, quyền liên quan đối với các đối tượng được sử dụng làm dữ liệu đầu vào cho hệ thống trí tuệ nhân tạo.

2. Đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được sáng tạo, định hình hoặc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan tương ứng nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện về bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Người sáng tạo tác phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều này được xác định là tác giả của tác phẩm được tạo ra có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo.

4. Quyền liên quan của người biểu diễn theo quy định tại khoản 1 Điều này chỉ phát sinh đối với cá nhân trực tiếp thực hiện cuộc biểu diễn bằng hành vi nghệ thuật của mình.

5. Chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được sáng tạo, định hình hoặc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này là tổ chức, cá nhân theo quy định tại Chương III của Luật Sở hữu trí tuệ.

6. Việc gắn nhãn hiển thị, đánh dấu kỹ thuật đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được sáng tạo, định hình hoặc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo.

7. Khi có yêu cầu bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan đối với đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được sáng tạo, định hình hoặc thực hiện có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo, người sáng tạo, định hình hoặc thực hiện đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan phải chứng minh về việc sáng tạo, định hình hoặc thực hiện của mình và phải kê khai trung thực việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

8. Tài liệu chứng minh quy định tại khoản 7 Điều này có thể bao gồm:

a) Dữ liệu đầu vào, tham số kỹ thuật hoặc tài liệu thiết kế đối với chương trình máy tính, bản thảo, các bản trung gian, chỉnh sửa trong quá trình sáng tạo;

b) Lịch sử câu lệnh, dữ liệu tương tác, tham số kỹ thuật;

c) Tài liệu mô tả quá trình sáng tạo hoặc các tài liệu hợp pháp khác thể hiện sự đóng góp trí tuệ và sự kiểm soát của con người.

9. Trường hợp sản phẩm hoàn toàn do hệ thống trí tuệ nhân tạo tạo ra hoặc không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này thì không làm phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ.”

Điều 5. Bổ sung Điều 5b vào sau Điều 5a

“Điều 5b. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan

1. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm xây dựng, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan, quản lý và tổ chức thực hiện việc chia sẻ, liên thông, kết nối, khai thác, hợp tác quốc tế và các hoạt động khác liên quan đến cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan được tập hợp một cách chọn lọc, có hệ thống, phù hợp với các mục đích tra cứu, liên quan đến:

a) Thông tin về cấp, cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan, bao gồm cả thông tin về tình trạng pháp lý của đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan được cập nhật trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính;

b) Thông tin về tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan;

d) Thông tin về tổ chức giám định và giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan;

đ) Thông tin về tổ chức đáp ứng điều kiện liên quan đến trường hợp ngoại lệ không xâm phạm quyền tác giả dành cho người khuyết tật và danh mục bản sao tác phẩm dưới định dạng dễ tiếp cận của tổ chức;

e) Thông tin về đầu mối liên lạc về vấn đề quyền tác giả, quyền liên quan của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian;

g) Thông tin về các biểu mức tiền bản quyền theo quy định của pháp luật;

h) Thông tin liên quan khác.

3. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan được xây dựng và quản lý theo nguyên tắc thống nhất, công khai, minh bạch, bảo đảm chia sẻ, liên thông, kết nối với các cơ sở dữ liệu có liên quan. Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ở trung ương và địa phương có trách nhiệm truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu chuyên ngành về quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định phục vụ chức năng quản lý nhà nước. Tổ chức, cá nhân có quyền tiếp cận, khai thác các thông tin được phép công khai trong cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.

4. Việc thực hiện các hoạt động theo quy định tại Điều này phải phù hợp với quy định của pháp luật về dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bảo vệ bí mật nhà nước, tiếp cận thông tin và quy định của pháp luật khác có liên quan.”

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 8

1. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3:

“c) Phương pháp hoạt động là tập hợp các hướng dẫn, quy tắc, cách thức hoặc quy trình để thực hiện một công việc, vận hành một hoạt động hoặc giải quyết một vấn đề cụ thể;”

2. Bổ sung khoản 4 vào sau khoản 3:

“4. Ý tưởng; khẩu hiệu; tên tác phẩm một cách độc lập quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Sở hữu trí tuệ được hiểu như sau:

a) Ý tưởng là các suy nghĩ, dự định, phương hướng sáng tạo chưa được định hình dưới một hình thức vật chất nhất định, chưa phải là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, khoa học;

b) Khẩu hiệu là các cụm từ ngắn gọn, thông điệp mang tính quảng bá hoặc nhận diện mà không thể hiện được dấu ấn cá nhân hoặc sự lựa chọn sáng tạo độc lập của tác giả vượt ra ngoài các cách diễn đạt thông thường về ngôn ngữ;

c) Tên tác phẩm một cách độc lập được hiểu là tên gọi của tác phẩm khi đứng tách rời khỏi nội dung tác phẩm đó.”

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung Điều 22

“Điều 22. Sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ phải tôn trọng quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 19 và khoản 2 Điều 29 của Luật Sở hữu trí tuệ và thực hiện quy định về quyền tài sản như sau:

a) Phải xin phép sử dụng và trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 3 Điều 29, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Sở hữu trí tuệ;

b) Không phải xin phép sử dụng nhưng phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại các khoản 1, 3a Điều 26 và các khoản 1, 2a Điều 33 của Luật Sở hữu trí tuệ;

c) Không phải xin phép sử dụng và không phải trả tiền bản quyền đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 1 Điều 25, Điều 25a, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 và khoản 1 Điều 32 của Luật Sở hữu trí tuệ.

2. Tổ chức, cá nhân thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này với cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại khoản 3 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ.

3. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ:

a) Việc khai thác quyền tác giả, quyền liên quan phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;

b) Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu là đơn vị sự nghiệp công lập thì thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Đối với các trường hợp không quy định tại điểm b khoản này thì thực hiện như sau:

Người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc khai thác quyền tác giả, quyền liên quan thuộc phạm vi quản lý theo thẩm quyền được giao, trường hợp vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Việc quyết định khai thác quyền tác giả, quyền liên quan phải được thể hiện bằng văn bản và lưu trữ trong hồ sơ quản lý tài sản công.

Số tiền bản quyền thu được từ việc khai thác tài sản công là quyền tác giả, quyền liên quan sau khi trừ đi các khoản chi phí có liên quan đến việc tổ chức khai thác, sử dụng, thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nếu có), phần còn lại nộp về ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật khác có liên quan.

4. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ:

a) Trường hợp chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước thì thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

b) Đối với các trường hợp không quy định tại điểm a khoản này thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Đối với quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 42 của Luật Sở hữu trí tuệ thì thực hiện theo quy định tại Nghị định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

6. Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khi phát hiện các hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 1 Điều này có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.”

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b khoản 5 Điều 23

“a) Trường hợp nhận được văn bản phản đối và xác định được chủ thể quyền theo quy định về giả định quyền tác giả, quyền liên quan và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này thông báo kết quả bằng văn bản cho chủ thể quyền và tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ để các bên trực tiếp thỏa thuận về việc sử dụng theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp không nhận được văn bản phản đối hoặc nhận được văn bản phản đối nhưng không xác định được chủ thể quyền theo quy định về giả định quyền tác giả, quyền liên quan và quy định khác của pháp luật có liên quan và không thuộc trường hợp từ chối hồ sơ theo quy định tại các điểm a, c khoản 7 Điều này, trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan quy định tại khoản 2 Điều này gửi thông báo nộp tiền bản quyền kèm theo bản dự tính tiền bản quyền đến tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ.

Tổ chức, cá nhân nhận được thông báo phải nộp tiền bản quyền theo bản dự tính tiền bản quyền trong thời hạn 5 ngày làm việc (có bản sao chứng từ nộp tiền bản quyền);”

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 25

“2. Thiết bị sao chép quy định tại các điểm a, b và e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ là thiết bị có chức năng sao chép với toàn bộ hoặc một phần linh kiện liên quan được tự động hóa.”

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 29

“3. Sao chép hoặc truyền tác phẩm được lưu giữ để sử dụng liên thông thư viện thông qua mạng máy tính quy định tại điểm e khoản 1 Điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ phải áp dụng các biện pháp để ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả và không được cung cấp cho công chúng bản sao tác phẩm dưới dạng kỹ thuật số bên ngoài khuôn viên của thư viện sử dụng hợp pháp bản sao đó. Việc sử dụng trên hệ thống máy tính của xe ô tô thư viện lưu động trong phục vụ lưu động, chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị ngoài thư viện nơi không có mạng cũng được coi là sử dụng trong khuôn viên của thư viện.”

Điều 11. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 34

“2a. Trường hợp chương trình phát sóng có sử dụng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình quy định tại khoản 2 Điều này được truyền dẫn cùng thời gian, truyền dẫn phát sóng lại, tiếp sóng hoặc truyền qua cáp, truyền trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, tổ chức phát sóng sản xuất chương trình phát sóng có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân thực hiện truyền dẫn, tiếp sóng hoặc truyền qua cáp, truyền trên mạng hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác trong việc cung cấp danh mục và thời lượng sử dụng các tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình để thực hiện nghĩa vụ với chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan.”

Điều 12. Bổ sung Mục 3 vào sau Mục 2 Chương III

**“Mục 3
SỬ DỤNG VĂN BẢN VÀ DỮ LIỆU LÀ ĐỐI TƯỢNG
ĐƯỢC BẢO HỘ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN
ĐỐI VỚI HỆ THỐNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO”**

Điều 13. Bổ sung Điều 37a vào Mục 3 Chương III và sau Điều 37

“Điều 37a. Điều kiện sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ

1. Văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan được sử dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ phải thỏa mãn:

a) Được công bố hợp pháp phù hợp với quy định tại khoản 8 Điều 3 của Nghị định này;

b) Được tiếp cận thông qua hành vi hợp pháp và từ nguồn hợp pháp;

c) Không hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ bảo vệ quyền mà chủ sở hữu quyền thực hiện để bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan của mình.

2. Việc sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Việc sử dụng chỉ nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo và không nhằm mục đích thương mại;

b) Việc sử dụng không được mâu thuẫn với việc khai thác bình thường văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan và không gây thiệt hại một cách bất hợp lý đến lợi ích hợp pháp của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

c) Kết quả đầu ra của hệ thống trí tuệ nhân tạo không thay thế thị trường tiêu thụ hoặc khai thác bình thường đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan, không tạo ra việc cạnh tranh không lành mạnh đối với việc khai thác, sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan.”

Điều 14. Bổ sung Điều 37b vào Mục 3 Chương III và sau Điều 37a

“Điều 37b. Quyền bảo lưu của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan

1. Tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan có quyền bảo lưu quyền tác giả, quyền liên quan của mình, không cho phép văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan của mình được sử dụng để phục vụ mục đích nghiên cứu khoa học, thử nghiệm, huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc bảo lưu theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện theo các hình thức sau:

a) Thể hiện trong siêu dữ liệu, các biện pháp công nghệ bảo vệ quyền hoặc thông tin quản lý quyền mà máy đọc được, gắn với bản gốc, bản sao đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan dưới dạng điện tử và được công bố công khai, rõ ràng, bảo đảm tổ chức, cá nhân sử dụng có khả năng nhận biết, tiếp cận được;

b) Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của các tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan được ủy quyền.

3. Quyền bảo lưu quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong trường hợp việc sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 37a của Nghị định này.”

Điều 15. Bổ sung Điều 37c vào Mục 3 Chương III và sau Điều 37b

“Điều 37c. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân sử dụng

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định tại khoản 5 Điều 7 của Luật Sở hữu trí tuệ và Điều 37a của Nghị định này có trách nhiệm:

a) Lưu giữ hồ sơ kỹ thuật, dữ liệu huấn luyện, dữ liệu sử dụng theo quy định của pháp luật về trí tuệ nhân tạo và sẵn sàng cung cấp thông tin khi có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phục vụ xác minh, giải quyết tranh chấp, xử lý hành vi vi phạm pháp luật có liên quan;

b) Tôn trọng quyền bảo lưu của tác giả, người biểu diễn, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan quy định tại Điều 37b của Nghị định này.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng văn bản và dữ liệu là đối tượng được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan để huấn luyện hệ thống trí tuệ nhân tạo, bao gồm dữ liệu huấn luyện đã được xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 37a của Nghị định này, khi khai thác thương mại phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện nghĩa vụ trả tiền bản quyền kể từ khi sử dụng theo quy định của pháp luật.”

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 38

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân, tổ chức Việt Nam, cá nhân nước ngoài thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam có thể tự mình hoặc ủy quyền cho đại diện hợp pháp tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là cá nhân nước ngoài không thường trú tại Việt Nam, tổ chức nước ngoài không có trụ sở, văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan thông qua ủy quyền cho tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan tại Việt Nam.”

3. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b của khoản 5:

“a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 8 Điều này, khoản 1 Điều 39, Điều 39a, khoản 2 Điều 40 và khoản 2 Điều 41 của Nghị định này, phí, lệ phí và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định của pháp luật;

b) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, phân loại, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 22 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 8 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; hồ sơ đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan trong thời hạn 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ;”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6:

“6. Trường hợp nộp hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan thông qua ủy quyền thì thành phần hồ sơ phải bao gồm văn bản ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải ghi cụ thể thông tin liên hệ của bên ủy quyền và bên nhận ủy quyền; tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền.

Trường hợp bên ủy quyền và bên được ủy quyền đều là cá nhân thì văn bản ủy quyền phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; các trường hợp còn lại, văn bản ủy quyền phải thể hiện việc thỏa thuận thống nhất ý chí của các bên.”

5. Bổ sung khoản 6a vào sau khoản 6:

“6a. Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ phải được làm bằng tiếng Việt có đầy đủ thông tin về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả hoặc chủ sở hữu quyền liên quan; thời gian hoàn thành; tóm tắt nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình hoặc chương trình phát sóng; tên tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, tác phẩm được sử dụng làm tác phẩm phái sinh nếu tác phẩm đăng ký là tác phẩm phái sinh; thời gian, địa điểm, hình thức công bố; thông tin về cấp lại,

cấp đổi (nếu có); thông tin về người nộp hồ sơ; cam đoan về trách nhiệm đối với các thông tin ghi trong tờ khai. Tờ khai đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan theo mẫu được Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định, tương ứng với các thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi, hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan.”

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 7:

“7. Tài liệu trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 2 Điều 50 của Luật Sở hữu trí tuệ phải được làm bằng tiếng Việt; trường hợp làm bằng ngôn ngữ khác thì phải được dịch ra tiếng Việt (có công chứng hoặc hợp pháp hóa lãnh sự). Tài liệu trong hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan phải được đánh máy hoặc in bằng loại mực khó phai mờ, rõ ràng, sạch sẽ, không tẩy xóa, không sửa chữa; trường hợp phát hiện có sai sót không đáng kể thuộc về lỗi chính tả trong tài liệu đã nộp thì cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ có thể sửa chữa các lỗi đó, nhưng tại chỗ bị sửa chữa phải có chữ ký xác nhận (và đóng dấu, nếu có) của cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ.

Trường hợp tài liệu nộp dưới dạng điện tử thì tên tài liệu điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ theo quy định.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 8:

“8. Hồ sơ đăng ký quyền tác giả, đăng ký quyền liên quan được nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc theo cách thức trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan.”

8. Bổ sung khoản 9 vào sau khoản 8:

“9. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền trả Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan dưới dạng bản điện tử cho tổ chức, cá nhân và bản giấy trong trường hợp tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan dưới dạng bản điện tử có giá trị pháp lý như văn bản giấy.”

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 39

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan theo quy định tại Điều 39a của Nghị định này.”

2. Bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2:

“2a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống điện tử về việc tạm dừng xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi có văn bản thụ lý vụ việc tranh chấp của Tòa án, Trọng tài hoặc văn bản thụ lý đơn khiếu nại, tố cáo của cơ quan có thẩm quyền hoặc văn bản của cơ quan tiến hành tố

tụng về việc đang thụ lý, giải quyết nguồn tin về tội phạm hoặc đã khởi tố vụ án hình sự liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật. Thời hạn tạm dừng cho đến khi có quyết định hoặc phán quyết có hiệu lực thi hành hoặc cho đến khi hết thời hạn giải quyết hồ sơ, tùy theo thời hạn nào ngắn hơn. Hết thời hạn tạm dừng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tiếp tục giải quyết hoặc trả hồ sơ theo quy định và thông báo cho tổ chức, cá nhân.”

Điều 18. Bổ sung Điều 39a vào sau Điều 39

“Điều 39a. Thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

1. Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ.

2. Bản sao tác phẩm hoặc bản sao bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng. Trường hợp nộp hồ sơ dưới dạng bản giấy thì nộp 02 bản sao tương ứng.

3. Văn bản ủy quyền nếu người nộp hồ sơ là người được tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ủy quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 38 của Nghị định này.

4. Tài liệu chứng minh là chủ sở hữu quyền:

a) Tài liệu chứng minh nhân thân đối với cá nhân: 01 bản sao Căn cước hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu, trừ trường hợp có thể khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Tài liệu chứng minh tư cách pháp lý đối với tổ chức: 01 bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép thành lập hoặc Quyết định thành lập, trừ trường hợp có thể khai thác dữ liệu trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

c) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao nhiệm vụ sáng tạo là quyết định giao nhiệm vụ hoặc xác nhận giao nhiệm vụ cho cá nhân thuộc đơn vị, tổ chức đó;

d) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do giao kết hợp đồng sáng tạo là hợp đồng, thể lệ, quy chế tổ chức cuộc thi;

đ) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được thừa kế là văn bản xác định quyền thừa kế có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật;

e) Tài liệu chứng minh chủ sở hữu quyền do được chuyển giao quyền là hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho, mua bán, góp vốn bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

g) Trong trường hợp tác giả không đồng thời là chủ sở hữu quyền tác giả phải có văn bản cam đoan về việc tự sáng tạo, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam và sáng tạo theo quyết định hoặc xác nhận giao việc; hợp đồng; tham gia cuộc thi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân định hình, thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng không đồng thời là chủ sở hữu quyền liên quan phải có văn bản cam đoan về việc tự định hình, thực hiện, không gây phương hại đến quyền tác giả, không vi phạm các quy định của pháp luật Việt Nam và định hình, thực hiện theo quyết định hoặc xác nhận giao việc; hợp đồng; tham gia cuộc thi và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung cam đoan;

h) Trường hợp có sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo để sáng tạo tác phẩm, định hình hoặc thực hiện cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng thì phải có văn bản cam đoan của người trực tiếp sáng tạo, định hình hoặc thực hiện và mô tả việc sử dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo trong quá trình sáng tạo, định hình hoặc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5a của Nghị định này;

i) Tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ, e khoản này phải là bản gốc hoặc bản sao có công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật; hoặc bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử trong trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến.

5. Văn bản đồng ý của các đồng tác giả, nếu tác phẩm có đồng tác giả, trừ trường hợp tất cả các đồng tác giả cùng ký tên trên tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.

6. Văn bản đồng ý của các đồng chủ sở hữu, nếu quyền tác giả, quyền liên quan thuộc sở hữu chung, trừ trường hợp tất cả các đồng chủ sở hữu cùng ký tên trên tờ khai đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan.

7. Trường hợp trong tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có sử dụng hình ảnh, thông tin cá nhân của người khác hoặc sử dụng đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan của người khác thì phải được sự đồng ý bằng văn bản của người đó, trừ trường hợp được phép theo quy định của pháp luật.”

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 40

1. Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b khoản 2:

“a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ;

b) Bản sao của tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng. Trường hợp nộp hồ sơ dưới dạng bản giấy thì nộp 02 bản sao tương ứng;”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3:

“c) Trường hợp theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 39 của Nghị định này.”

3. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3:

“3a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo tạm dừng theo trường hợp quy định tại khoản 2a Điều 39 của Nghị định này.”

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 41

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan khi có thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thông tin của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng.”

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2:

a) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b:

“a) Tờ khai đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo mẫu) do chính tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp không có khả năng về thể chất để ký tên hoặc điểm chỉ;

b) Bản sao của tác phẩm, bản định hình cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng. Trường hợp nộp hồ sơ dưới dạng bản giấy thì nộp 02 bản sao tương ứng;”

b) Bổ sung các điểm đ, e vào sau điểm d:

“đ) Tài liệu chứng minh về việc thay đổi trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan hoặc thay đổi thông tin của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

e) Văn bản đồng ý của tác giả trong trường hợp thay đổi tên tác phẩm, trừ trường hợp đã chuyển quyền sử dụng quyền đặt tên theo quy định tại khoản 1 Điều 19 của Luật Sở hữu trí tuệ.”

3. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3:

“b) Trường hợp theo quy định tại các điểm b, d khoản 2 Điều 39 của Nghị định này.”

4. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3:

“3a. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo tạm dừng theo trường hợp quy định tại khoản 2a Điều 39 của Nghị định này.”

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 43

1. Bổ sung khoản 3a vào sau khoản 3:

“3a. Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng gắn liền với hàng hóa, sản phẩm thì tên và nội dung tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng phải phù hợp với quy định của pháp luật về quảng cáo và pháp luật khác có liên quan.”

2. Bổ sung khoản 3b vào sau khoản 3a:

“3b. Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng có nội dung liên quan tới y khoa, giáo dục, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các lĩnh vực chuyên ngành, đặc thù khác cần có văn bản, giấy tờ xác nhận, chứng nhận, thẩm định, phê duyệt của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4:

“4. Tác phẩm điện ảnh phải bao gồm kịch bản phim là toàn bộ nội dung phim theo quy định của pháp luật về điện ảnh, thể hiện dưới dạng văn bản.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6:

“6. Tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bản sao tác phẩm phải được thể hiện rõ ràng trên khổ giấy A4 thể hiện đúng bố cục, đường nét, màu sắc, hình khối của toàn bộ tác phẩm;

b) Trường hợp tác phẩm có chứa các chữ, từ ngữ không phải là tiếng Việt thì phải ghi rõ là từ ngữ không có nghĩa tiếng Việt và nếu các chữ, từ ngữ đó có nghĩa thì phải dịch ra tiếng Việt; có chứa chữ số không phải là chữ số Ả-rập hoặc chữ số La-mã thì phải dịch ra chữ số Ả-rập;

c) Trường hợp tác phẩm mỹ thuật ứng dụng được thể hiện dưới dạng file thiết kế, bản vẽ hoặc dữ liệu số, bản sao tác phẩm nộp kèm phải là hình ảnh trích xuất từ file gốc, bảo đảm thể hiện rõ nội dung sáng tạo và hình thức thể hiện của tác phẩm.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 9:

“9. Chương trình máy tính phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Bản sao chương trình máy tính bao gồm bản điện tử chứa code, giao diện của chương trình máy tính có thể cài đặt để chạy được chương trình và bản in trên khổ giấy A4 chứa toàn bộ giao diện và mã code của chương trình máy tính đó. Trường hợp bản in phần mã code chương trình máy tính nêu trên có từ 100 trang trở lên thì in 25 trang đầu, 25 trang giữa và 25 trang cuối của phần mã code;

b) Đối với chương trình máy tính là phần mềm trò chơi thì phải có kịch bản trò chơi.”

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 71

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2:

“a) Giá chuyên nhượng hoặc giá chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan. Đối với giá trị hàng hóa về quyền tác giả, quyền liên quan thì thực hiện theo các khoản 1, 2 và 3 Điều 81 của Nghị định này;”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3:

“3. Báo cáo thẩm định giá, chứng thư thẩm định giá của doanh nghiệp thẩm định giá về giá trị tính được thành tiền của đối tượng quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại khoản 2 Điều này được sử dụng làm một trong những cơ sở để tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xem xét, quyết định hoặc phê duyệt giá.”

Điều 23. Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 của Điều 81

“5. Việc xác định giá trị hàng hóa xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong vụ việc hình sự thực hiện theo quy định của pháp luật về định giá tài sản trong tố tụng hình sự.”

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều 84

“Điều 84. Buộc tiêu hủy

1. Đối với hàng hóa sao chép lậu, cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm quyết định áp dụng biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa sao chép lậu theo yêu cầu của chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan mà không được bồi hoàn dưới bất kỳ hình thức nào, trừ các trường hợp sau đây:

a) Hàng hóa đã loại bỏ yếu tố xâm phạm, là hàng hóa thiết yếu phục vụ mục đích nhân đạo, y tế, phòng, chống thiên tai, dịch bệnh hoặc lợi ích công cộng;

b) Hàng hóa đã loại bỏ yếu tố xâm phạm và việc tiêu hủy hàng hóa trái với đạo đức xã hội hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích công cộng, sức khỏe cộng đồng, an sinh xã hội hoặc môi trường.

2. Trong trường hợp quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền xử lý xâm phạm có thể quyết định áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc sử dụng không nhằm mục đích thương mại. Việc áp dụng biện pháp này phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 83 của Nghị định này.

3. Biện pháp buộc tiêu hủy hàng hóa xâm phạm (không bao gồm hàng hóa sao chép lậu), nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm được áp dụng trong trường hợp không đáp ứng đủ các điều kiện để áp dụng biện pháp buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại quy định tại Điều 83 của Nghị định này.”

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều 87

“Điều 87. Cơ quan hải quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn

Cơ quan hải quan có thẩm quyền tiếp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hoặc tạm dừng làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.”

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 88

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1:

“1. Cơ quan hải quan có trách nhiệm xem xét, ra thông báo chấp nhận đơn trong thời hạn quy định, nếu người nộp đơn đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 217 của Luật Sở hữu trí tuệ và nộp đơn hợp lệ theo quy định của pháp luật về hải quan. Trong trường hợp từ chối, cơ quan hải quan phải trả lời bằng văn bản cho người nộp đơn và nêu rõ lý do.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2:

“2. Trên cơ sở thông báo chấp nhận đơn đề nghị kiểm tra, giám sát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, các Chi cục Hải quan khu vực, Chi cục Điều tra chống buôn lậu tra cứu dữ liệu trên hệ thống để tổ chức triển khai việc kiểm tra, giám sát trong phạm vi địa bàn quản lý.”

Điều 27. Bổ sung Điều 96a vào sau Điều 96

“Điều 96a. Khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan

1. Mục tiêu của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan:

a) Cung cấp kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ cần thiết cho hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

b) Trang bị và nâng cao năng lực thực hành giám định, bao gồm: Lấy mẫu, xử lý, bảo quản mẫu; tiếp nhận, xử lý, bảo quản đối tượng giám định; thu thập, xử lý tài liệu, thông tin phục vụ giám định; sử dụng pháp luật, vận dụng các kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ phù hợp để phục vụ quá trình giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

c) Hình thành và củng cố nhận thức về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm pháp lý, tính độc lập, khách quan, trung thực trong hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

2. Yêu cầu đối với khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan:

a) Khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan được tổ chức thống nhất trong phạm vi cả nước;

b) Chương trình đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan có tổng thời lượng tối thiểu là 200 giờ, bảo đảm cân đối giữa lý thuyết và thực hành, cập nhật phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, thực tiễn quốc tế và phải có nội dung đánh giá kết quả học tập của người tham gia khóa đào tạo.

Chương trình khung của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Việc đánh giá kết quả học tập phải bao gồm các nội dung về kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, năng lực thực hành và đạo đức nghề nghiệp, bảo đảm tính khách quan, minh bạch.

3. Người được đánh giá là hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan được cơ sở đào tạo quy định tại khoản 4 Điều này cấp chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Căn cứ quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và Nghị định này, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng đào tạo, bồi dưỡng hoặc cơ sở giáo dục đại học có đào tạo ngành luật xây dựng Chương trình chi tiết của khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan, trình Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt và tổ chức khóa đào tạo theo quy định của pháp luật.”

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều 98

“Điều 98. Thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

1. Cá nhân đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan nộp 01 bộ hồ sơ yêu cầu cấp Thẻ giám định viên trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tới cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân thường trú. Hồ sơ bao gồm:

a) Tờ khai yêu cầu cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Bản gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin trên cơ sở dữ liệu về văn bằng, chứng chỉ để thay thế và chỉ được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu tại điểm này trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác;

c) Giấy xác nhận quá trình công tác theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ (do cơ quan, tổ chức nơi công tác cấp);

d) Bản gốc hoặc bản sao chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan trong trường hợp đã qua thực tế hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực đề nghị cấp thẻ giám định viên từ đủ năm năm trở lên theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 201 của Luật Sở hữu trí tuệ. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử;

đ) Ảnh chân dung của người yêu cầu cấp Thẻ giám định viên kích cỡ 3 x 4 cm. Trường hợp nộp hồ sơ dưới dạng bản giấy thì nộp 02 ảnh màu kích cỡ 3 x 4 cm.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định cấp Thẻ giám định viên. Trường hợp từ chối cấp Thẻ giám định viên thì phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do. Mẫu Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan quy định tại Mẫu số 11 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Hiệu lực của Thẻ giám định viên: Thẻ giám định viên có hiệu lực kể từ ngày cấp.

4. Cấp lại Thẻ giám định viên:

a) Chỉ cấp lại Thẻ giám định viên trong trường hợp Thẻ giám định viên bị mất, hư hỏng hoặc có sự thay đổi về thông tin đã được ghi nhận trong Thẻ giám định viên;

b) Giám định viên có yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên nộp Tờ khai yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 10 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này) trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc tại trụ sở cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đã cấp thẻ. Trường hợp cần thiết, tổ chức, cá nhân nộp kèm tài liệu quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này. Trường hợp Thẻ giám định viên đã cấp bị hư hỏng phải nộp lại Thẻ giám định viên bị hư hỏng;

c) Thời hạn cấp lại là 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Thẻ giám định viên.

5. Cơ quan đã cấp, cấp lại có quyền thu hồi Thẻ giám định viên đối với một trong các trường hợp sau đây:

a) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các quy định tại Điều 93 của Nghị định này;

b) Người được cấp Thẻ giám định viên có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định của pháp luật;

c) Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.

6. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định cấp, cấp lại hoặc thu hồi Thẻ giám định viên, cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thông báo đến cơ quan quy định tại khoản 7 Điều này về Quyết định cấp, cấp lại hoặc thu hồi để ghi nhận, cập nhật vào Danh sách giám định viên.

7. Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan có trách nhiệm công bố Danh sách giám định viên theo Quyết định cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên trên trang thông tin điện tử của tổ chức này.”

Điều 29. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 99

1. Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c khoản 1:

“b) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc giấy đăng ký hoạt động hoặc quyết định thành lập do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

Cơ quan tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm chủ động khai thác, sử dụng thông tin trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp để thay thế và chỉ được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu tại điểm này trong trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, chính xác;

c) Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức. Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.”

2. Sửa đổi, bổ sung các điểm b, c khoản 4:

“b) Tổ chức giám định có yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến, qua dịch vụ bưu chính hoặc tại trụ sở tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan. Hồ sơ gồm:

Tờ khai yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan (theo Mẫu số 12 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này);

Bản gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao từ sổ gốc quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc giữa tổ chức và giám định viên làm việc cho tổ chức (trong trường hợp có sự thay đổi so với nội dung ghi trong Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã được cấp). Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì nộp bản sao điện tử hoặc bản chứng thực điện tử.

Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định đã cấp bị hư hỏng phải nộp lại Giấy chứng nhận bị hư hỏng. Trường hợp có sự thay đổi về thông tin phải có giấy tờ hợp pháp chứng minh sự thay đổi đó và nộp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định;

c) Thời hạn cấp lại là 12 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định.”

Điều 30. Bổ sung điểm b1 vào sau điểm b khoản 1 Điều 100

“b1) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan;”

Điều 31. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 110

“đ) Doanh nghiệp cung cấp nền tảng số trung gian, bao gồm dịch vụ mạng xã hội trực tuyến, nền tảng thương mại điện tử và các nền tảng số trung gian khác;”

Điều 32. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 112

“3. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian, chủ quản nền tảng số có trách nhiệm ngăn chặn việc chia sẻ thông tin, xóa bỏ thông tin, gỡ bỏ dịch vụ, ứng dụng có nội dung vi phạm và các trách nhiệm liên quan khác theo quy định của pháp luật về an ninh mạng, thương mại điện tử và pháp luật khác có liên quan.”

Điều 33. Sửa đổi, bổ sung phần ghi chú của Phụ lục II

“Ghi chú:

1. Đối với các hoạt động kinh doanh, thương mại quy định tại các mục số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 của Phụ lục này áp dụng quy định phân loại đô thị như sau:

- a) Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh: Áp dụng theo khung giá;
- b) Đô thị loại I: Áp dụng 80% khung giá;
- c) Đô thị loại II: Áp dụng 50% khung giá;
- d) Đô thị loại III: Áp dụng 20% khung giá. Trường hợp thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn thì áp dụng 10% khung giá.

2. Biểu mức tiền bản quyền trên đây áp dụng cho chủ sở hữu quyền tác giả và áp dụng tương tự cho chủ sở hữu quyền liên quan đối với bản ghi âm, ghi hình được sử dụng.”

Điều 34. Bổ sung, thay thế từ, cụm từ tại một số điều, phụ lục

1. Bổ sung cụm từ “, truyện tranh” vào sau cụm từ “truyện ngắn” tại điểm a khoản 1 Điều 6; bổ sung từ “trên” vào trước cụm từ “bao bì sản phẩm”, cụm từ “thiết kế trang trí;” vào sau cụm từ “thiết kế thời trang;” tại khoản 8 Điều 6.

2. Thay thế cụm từ “cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch” bằng cụm từ “tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan” tại khoản 2 Điều 23, các điểm a, b khoản 4, các điểm b, d khoản 5 Điều 30, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 36, khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 37, khoản 1 Điều 42, khoản 3 Điều 47, khoản 2 Điều 54, khoản 7 Điều 55, điểm c khoản 4 Điều 89, điểm i khoản 3 Điều 93, điểm e khoản 3 Điều 95, Điều 96, các khoản 1, 2, 6 Điều 99, khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 111, khoản 1 Điều 113.

3. Bổ sung cụm từ “trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc” vào sau cụm từ “nộp hồ sơ” tại khoản 2 Điều 23, điểm b khoản 4 Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 36, điểm a khoản 3 Điều 37.

4. Thay thế cụm từ “20 ngày” bằng cụm từ “15 ngày làm việc” tại khoản 4 Điều 23, điểm b khoản 2 Điều 36, điểm b khoản 3 Điều 37, khoản 2 Điều 99.

5. Thay thế cụm từ “30 ngày” bằng cụm từ “22 ngày làm việc” tại điểm a khoản 4 Điều 30.

6. Thay thế cụm từ “khoản 1 Điều 26” bằng cụm từ “khoản 1, 3a Điều 26”, cụm từ “khoản 1 Điều 33” bằng cụm từ “khoản 1, 2a Điều 33” tại các khoản 2, 3 Điều 34, các khoản 1, 2 Điều 35, khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 50.

7. Bổ sung cụm từ “, tái phát sóng, truyền đạt đến công chúng chương trình phát sóng” vào sau cụm từ “đề phát sóng” tại các khoản 1, 2 Điều 35.

8. Bổ sung cụm từ “, đơn vị cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình” vào sau cụm từ “tổ chức phát sóng” tại khoản 3 Điều 35.

9. Thay thế cụm từ “Đơn đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo Mẫu số 06 của Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này)” bằng cụm từ “Tờ khai đề nghị hủy bỏ hiệu lực Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan (theo mẫu)” tại điểm b khoản 2 Điều 42.

10. Thay thế cụm từ “TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN TẬP THỂ, TỔ CHỨC TƯ VẤN, DỊCH VỤ” bằng cụm từ “TỔ CHỨC QUẢN LÝ TẬP THỂ, TỔ CHỨC DỊCH VỤ ĐẠI DIỆN” tại tên Chương V.

11. Thay thế cụm từ “tổ chức tư vấn, dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan” bằng cụm từ “tổ chức dịch vụ đại diện quyền tác giả, quyền liên quan” tại điểm g khoản 2 Điều 5, các điểm a, b khoản 3 Điều 38, tên Điều 55, các khoản 1, 2, 7 Điều 55.

12. Thay thế cụm từ “tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan” bằng cụm từ “tổ chức quản lý tập thể quyền tác giả, quyền liên quan” tại các điểm g, h khoản 2 Điều 5, điểm c khoản 3 Điều 23, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 34, các điều 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, khoản 1 Điều 56.

13. Bổ sung cụm từ “biểu mức tiền bản quyền đã được phê duyệt,” vào trước cụm từ “Báo cáo thường niên” tại khoản 1 Điều 53.

14. Bổ sung cụm từ “công lập” vào sau cụm từ “đơn vị sự nghiệp” tại điểm c khoản 1 Điều 55; thay thế cụm từ “người đứng đầu tổ chức” bằng cụm từ “người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức” tại khoản 2 Điều 55.

15. Bổ sung cụm từ “về nội dung được ủy quyền” vào sau cụm từ “thông tin công khai” tại khoản 1 Điều 56.

16. Bổ sung cụm từ “tín hiệu cấp mang chương trình được mã hóa,” vào trước cụm từ “tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa” tại khoản 1 Điều 60, các khoản 2, 3, 4 Điều 61, các điểm e, g khoản 4 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 77.

17. Thay thế cụm từ “môi trường mạng viễn thông và mạng Internet” bằng cụm từ “không gian mạng” tại khoản 4 Điều 64, điểm h khoản 1 Điều 75, tên Điều 111, khoản 6 Điều 111, khoản 2 Điều 114.

18. Thay thế cụm từ “mạng viễn thông và mạng Internet” bằng cụm từ “không gian mạng” tại các điểm a, b khoản 1 Điều 110.

19. Thay thế cụm từ “tư vấn, dịch vụ quyền tác giả” bằng cụm từ “dịch vụ đại diện quyền tác giả” tại khoản 11 Điều 62; cụm từ “tư vấn, dịch vụ quyền liên quan” bằng cụm từ “dịch vụ đại diện quyền liên quan” tại khoản 7 Điều 63.

20. Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” bằng cụm từ “cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan” tại khoản 3 Điều 88, các khoản 1, 2, 4 Điều 89.

21. Thay thế cụm từ “Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan” bằng cụm từ “Chi cục Hải quan khu vực và Cục Hải quan” tại điểm d khoản 4 Điều 89.

22. Thay thế cụm từ “Chi cục Hải quan” bằng cụm từ “cơ quan hải quan ra quyết định tạm dừng” tại khoản 6 Điều 89.

23. Bổ sung cụm từ “trên Cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc” vào trước cụm từ “trực tiếp” tại khoản 1 Điều 99.

24. Thay thế Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

25. Thay thế các mẫu số 02, 04, 05, 10, 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP bằng lần lượt các mẫu số 02, 04, 05, 10, 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

26. Thay thế cụm từ “Cục Bản quyền tác giả” bằng cụm từ “(tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan)” tại Mẫu số 03, Mẫu số 12, Mẫu số 13 Phụ lục III; thay thế cụm từ “Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005, được sửa đổi, bổ sung các năm 2009, 2019 và 2022” bằng cụm từ “Luật Sở hữu trí tuệ số ...”, cụm từ “Cục trưởng” bằng cụm từ “Thủ trưởng” tại Mẫu số 13 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 17/2023/NĐ-CP.

Điều 35. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều, mẫu của phụ lục

1. Bãi bỏ khoản 5 Điều 5, điểm d khoản 3 Điều 23, điểm đ khoản 3 Điều 36, điểm đ khoản 4 Điều 37, điểm c khoản 2 Điều 39, điểm c khoản 2 Điều 42, khoản 4 Điều 46, các khoản 3, 4, 5, 6 Điều 55, Điều 85, khoản 3 Điều 89, Điều 97, các mẫu số 01, 06, 08, 09 Phụ lục III.

2. Bãi bỏ cụm từ “, không thể được tạo ra một cách dễ dàng đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực tương ứng” tại khoản 8 Điều 6.

3. Bãi bỏ cụm từ “ngày, tháng, năm sinh,” tại điểm b khoản 2 Điều 53.

4. Bãi bỏ cụm từ “, pháp luật về tố tụng hình sự” tại khoản 4 Điều 81.

Điều 36. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2026.

2. Chương IV, bao gồm các điều 11, 12, 13, 14, 15 của Nghị định số 116/2026/NĐ-CP ngày 02 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có quy định thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 37. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ các thủ tục hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan đã được nộp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục xử lý theo quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ.

2. Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành tiếp tục duy trì hiệu lực với hình thức hoạt động độc lập. Trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ giám định viên thì cá nhân nộp hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về văn hóa thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi cá nhân thường trú.

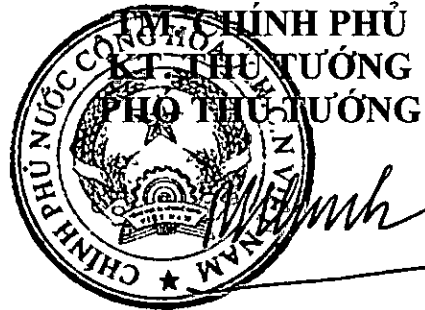
Điều 38. Trách nhiệm thi hành

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

2. Trong quá trình thực hiện các nội dung của Nghị định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cần phản ánh kịp thời về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để xem xét hướng dẫn hoặc tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b). **✎**



Mai Văn Chính



Phụ lục I

BIỂU MỨC TIỀN BẢN QUYỀN KHI SỬ DỤNG TÁC PHẨM, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH ĐỂ PHÁT SÓNG, TÁI PHÁT SÓNG, TRUYỀN ĐẾN CÔNG CHÚNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG TRONG TRƯỜNG HỢP GIỚI HẠN QUYỀN TÁC GIẢ, GIỚI HẠN QUYỀN LIÊN QUAN

(Kèm theo Nghị định số 134/2026/NĐ-CP
ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

I. Việc trả tiền bản quyền trong trường hợp không đạt được thỏa thuận theo quy định tại Điều 35 của Nghị định này thực hiện như sau:

1. Đối với lĩnh vực phát thanh: Số tiền bản quyền chi trả theo năm cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong năm hiện tại với tỷ lệ phần trăm của mức lương cơ sở quy định như sau:

Kênh phát thanh	Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền tác giả)	Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền liên quan)
VOV	0,1	0,1
Tại đô thị loại đặc biệt	0,09	0,09
Tại đô thị loại I	0,08	0,08
Tại đô thị loại II	0,06	0,06
Tại đô thị loại III	0,03	0,03

Các kênh của Đài Tiếng nói Việt Nam tại khu vực thì áp dụng tỷ lệ theo phân loại đô thị của địa phương đó.

Trường hợp phát lại chương trình phát thanh, truyền dẫn cùng thời gian, truyền dẫn phát sóng lại hoặc tiếp sóng chương trình phát thanh, bao gồm cả truyền qua cáp, trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet thì áp dụng 15% mức tiền bản quyền của lần phát thanh đầu tiên.

2. Đối với lĩnh vực truyền hình: Số tiền bản quyền chi trả theo năm cho chủ sở hữu quyền tác giả và chủ sở hữu quyền liên quan tính bằng cách nhân tổng thời gian (tính theo phút) phát sóng tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình trong năm hiện tại với tỷ lệ phần trăm của mức lương cơ sở quy định như sau:

Kênh chương trình truyền hình		Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền tác giả)	Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền liên quan)
Trung ương	Thiết yếu	VTV1	1,2
		Kênh thiết yếu quốc gia khác	0,6
	Không thiết yếu	Các kênh của VTV	1,56

Kênh chương trình truyền hình			Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền tác giả)	Tỷ lệ phần trăm (đối với chủ sở hữu quyền liên quan)
Địa phương	Thiết yếu	Kênh thiết yếu tại đô thị loại đặc biệt	1	1
		Kênh thiết yếu tại đô thị loại I	0,8	0,8
		Kênh thiết yếu tại đô thị loại II	0,6	0,6
		Kênh thiết yếu tại đô thị loại III	0,3	0,3
	Không thiết yếu	Kênh không thiết yếu tại đô thị loại đặc biệt	1,3	1,3
		Kênh không thiết yếu tại đô thị loại I	1,04	1,04
		Kênh không thiết yếu tại đô thị loại II	0,80	0,80
		Kênh không thiết yếu tại đô thị loại III	0,39	0,39

Các kênh của Đài Truyền hình Việt Nam tại khu vực thì áp dụng tỷ lệ theo phân loại đô thị của địa phương đó.

Trường hợp phát lại chương trình truyền hình sau thời gian phát sóng lần đầu thì áp dụng 20% mức tiền bản quyền của lần phát sóng đầu tiên.

Trường hợp truyền dẫn cùng thời gian, truyền dẫn phát sóng lại hoặc tiếp sóng chương trình truyền hình thông qua tất cả loại hình kênh chương trình truyền hình và các hình thức phát sóng truyền hình tương tự khác, bao gồm cả truyền qua cáp, trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet thì áp dụng 15% mức tiền bản quyền của lần phát sóng đầu tiên.

Trường hợp phát, truyền các kênh chương trình mới qua cáp, trên mạng thông tin điện tử, mạng viễn thông, mạng Internet hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật tương tự nào khác thì mức tiền bản quyền tính theo mức tiền bản quyền đối với kênh không thiết yếu quy định tại bảng thuộc khoản này; trường hợp tái phát, tái truyền thì áp dụng 15% mức tiền bản quyền của lần phát, truyền đầu tiên.

II. Trường hợp phát sóng không có tài trợ, quảng cáo hoặc không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định này thì số tiền bản quyền chi trả bằng 30% số tiền bản quyền tính theo quy định tại mục I của Phụ lục này.

III. Trường hợp phát sóng các chương trình đặc biệt dành cho thiếu nhi, đồng bào dân tộc thiểu số hoặc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, chương trình đặc biệt phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn của Việt Nam thì số tiền bản quyền chi trả bằng 30% số tiền bản quyền tính theo quy định tại mục I của Phụ lục này.



Phụ lục II

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG CỦA KHÓA ĐÀO TẠO NGHIỆP VỤ VỀ GIÁM ĐỊNH QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

theo Nghị định số 134/2026/NĐ-CP

ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

I. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan có tổng thời lượng tối thiểu là 200 giờ, được cấu trúc gồm 03 phần, cụ thể như sau:

- Phần I: Kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, có tổng thời lượng tối thiểu chiếm 50% thời lượng chương trình, bao gồm các tiết lý thuyết và tiết thảo luận;
- Phần II: Kỹ năng thực hành giám định hoặc học tập thực tế, có tổng thời lượng tối thiểu chiếm 35% thời lượng chương trình;
- Phần III: Các hoạt động bổ trợ, bao gồm hoạt động kiểm tra, đánh giá, khai giảng, bế giảng và hoạt động khác (nếu có).

II. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Kiến thức chung

- Hệ thống pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan và giám định quyền tác giả, quyền liên quan; điều ước, cam kết quốc tế có nội dung về quyền tác giả, quyền liên quan mà Việt Nam là thành viên hoặc đã ký kết, tham gia;
- Nội dung quyền tác giả, quyền liên quan: Căn cứ phát sinh, điều kiện được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan; các quyền nhân thân, quyền tài sản đối với tác phẩm, quyền đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng; trường hợp giới hạn, ngoại lệ quyền tác giả, quyền liên quan...;
- Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan: Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan; biện pháp bảo vệ quyền, chế tài xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan...;
- Vai trò, nội dung, nguyên tắc thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Quy trình tiếp nhận yêu cầu giám định, tiếp nhận, xử lý, quản lý và bảo quản mẫu vật, bản sao tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tài liệu và thông tin phục vụ giám định; trình tự thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Phương pháp, cách thức thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Giá trị pháp lý của kết luận giám định quyền tác giả, quyền liên quan;
- Đạo đức nghề nghiệp, quyền và trách nhiệm pháp lý của giám định viên; vấn đề bảo đảm tính độc lập, khách quan và bảo mật thông tin trong hoạt động giám định.

2. Kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ

a) Kỹ năng lấy mẫu, xử lý, bảo quản mẫu, tiếp nhận, xử lý, bảo quản đối tượng giám định, thu thập, xử lý tài liệu, thông tin phục vụ giám định:

- Xác định loại, phạm vi, hình thức và số lượng mẫu, đối tượng, tài liệu, thông tin phục vụ giám định theo yêu cầu giám định;

- Thực hiện lấy mẫu, lập biên bản, ghi nhận tình trạng, nguồn gốc và thời điểm lấy mẫu theo quy định;

- Đánh giá độ tin cậy, tính toàn vẹn, tính xác thực của mẫu giám định, đối tượng giám định;

- Thu thập, phân tích, đánh giá tài liệu, thông tin liên quan phục vụ giám định;

- Phân loại, xử lý, sao lưu, trích xuất và bảo quản mẫu, đối tượng, tài liệu, thông tin phục vụ giám định, bảo đảm tính toàn vẹn của đối tượng;

- Theo dõi và ghi nhận quá trình phân tích, xử lý mẫu, đối tượng giám định.

b) Kỹ năng xác định căn cứ phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan:

- Xác định loại hình tác phẩm, đối tượng quyền liên quan và điều kiện bảo hộ theo quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan; trường hợp, phần không thuộc phạm vi bảo hộ;

- Xác định thời điểm phát sinh quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;

- Phân tích căn cứ phát sinh quyền trong các trường hợp sáng tạo độc lập; giao nhiệm vụ; giao kết hợp đồng; thừa kế, kế thừa; chuyển giao, tặng cho hoặc các căn cứ hợp pháp khác;

- Phân tích mối quan hệ giữa tác giả, người biểu diễn và chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan;

- Xác định phạm vi quyền và chủ thể quyền làm căn cứ phục vụ hoạt động giám định.

c) Kỹ năng xác định yếu tố xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan:

- Xác định đối tượng được bảo hộ và phạm vi quyền được bảo hộ theo quy định của pháp luật;

- Xác định chủ thể thực hiện hành vi và mối quan hệ pháp lý với chủ thể quyền; sự tiếp cận, thời điểm, mục đích tiếp cận đối tượng được bảo hộ của chủ thể thực hiện hành vi;

- Phân tích hành vi khai thác, sử dụng tác phẩm, đối tượng quyền liên quan về hình thức, phạm vi và mục đích;

- So sánh giữa đối tượng bị nghi ngờ xâm phạm và đối tượng được bảo hộ (mức độ trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt).

d) Kỹ năng so sánh và đánh giá sự trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt, sao chép:

- So sánh tổng thể và so sánh từng phần đối với hình thức thể hiện của tác phẩm, đối tượng quyền liên quan;

- Đánh giá mức độ trùng lặp, tương tự về cấu trúc, bố cục, trình tự, ngôn ngữ, hình ảnh, âm thanh và các yếu tố khác (nếu có);

- Đánh giá khả năng gây nhầm lẫn, khó phân biệt hoặc sao chép đối với người tiếp nhận thông thường;

- Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả so sánh, bao gồm yếu tố sáng tạo, đặc điểm thể hiện và bối cảnh sử dụng.

đ) Kỹ năng xác định giá trị quyền tác giả, quyền liên quan, xác định giá trị thiệt hại:

- Xác định đối tượng, phạm vi và mục đích xác định giá trị quyền tác giả, quyền liên quan;

- Thu thập, phân tích thông tin, tài liệu về việc khai thác, chuyển giao, chuyển quyền sử dụng quyền tác giả, quyền liên quan và các yếu tố hình thành giá trị quyền;

- Áp dụng phương pháp định giá phù hợp theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật có liên quan, phối hợp với chuyên gia thẩm định giá hoặc tổ chức chuyên nghiệp khác theo quy định của pháp luật;

- Phân tích, xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan theo quy định của pháp luật;

- Phân tích, xác định loại thiệt hại phát sinh do hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan và mối quan hệ nhân quả theo quy định của pháp luật dân sự và pháp luật về sở hữu trí tuệ;

- Xác định phạm vi, mức độ và thời gian xảy ra thiệt hại do hành vi xâm phạm;

- Thu thập, phân tích tài liệu, chứng cứ làm căn cứ xác định thiệt hại.

e) Kỹ năng cần thiết khác:

- Tra cứu, sử dụng pháp luật đúng quy định; trường hợp có yếu tố nước ngoài còn phải sử dụng các điều ước, cam kết quốc tế có liên quan;

- Thỏa thuận, soạn thảo hợp đồng dịch vụ giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Xác định chi phí thực hiện giám định quyền tác giả, quyền liên quan;

- Thành lập Hội đồng tư vấn giám định quyền tác giả, quyền liên quan (trong trường hợp cần thiết): xác định thành viên Hội đồng, tổ chức làm việc, lập biên bản họp của Hội đồng;

- Xây dựng văn bản kết luận giám định quyền tác giả, quyền liên quan.

3. Thực hành tình huống hoặc học tập thực tế

- Thực hành các kỹ năng phục vụ giám định được đào tạo trên cơ sở các tình huống, vụ việc cụ thể về quyền tác giả, quyền liên quan và xây dựng kết luận giám định;

- Học tập thực tế tại các đơn vị chuyên trách về quyền tác giả, quyền liên quan (tổ chức giám định quyền tác giả, quyền liên quan, cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan).

4. Kiến thức bổ trợ

- Quy định của pháp luật về giám định tư pháp liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan;

- Kiến thức cơ bản về các lĩnh vực liên quan: Điện ảnh, âm nhạc, sân khấu, mỹ thuật, nhiếp ảnh, văn học, báo chí, kiến trúc, phần mềm...;

- Kiến thức cơ bản về định giá, thẩm định giá;

- Kiến thức cơ bản về công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và các vấn đề mới phát sinh trong bảo hộ và thực thi quyền tác giả, quyền liên quan.

5. Hoạt động kiểm tra, đánh giá

- Kiểm tra, đánh giá mức độ tham gia và chấp hành quy định của học viên trong quá trình đào tạo;

- Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, bao gồm các nội dung về kiến thức pháp luật, kỹ năng và phương pháp nghiệp vụ, năng lực thực hành và đạo đức nghề nghiệp (thông qua bài kiểm tra định kỳ hoặc cuối khóa);

- Tổng hợp kết quả kiểm tra, đánh giá làm căn cứ xác định việc hoàn thành chương trình đào tạo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tài liệu đào tạo bám sát chương trình khung, bảo đảm tính chính xác, phù hợp, cập nhật, linh hoạt với các phương pháp giảng dạy khác nhau.

2. Công tác tổ chức, giảng dạy linh hoạt về thời gian và phương thức tổ chức, kết hợp lý thuyết với thực hành, chú trọng rèn luyện kỹ năng.

3. Giảng viên tham gia giảng dạy phải có kiến thức, có kinh nghiệm thực tế, kỹ năng nghề nghiệp phù hợp.

4. Đánh giá việc hoàn thành chương trình đào tạo:

a) Việc đánh giá học viên căn cứ vào: Mức độ tham gia chương trình đào tạo (tối thiểu 80% tổng thời lượng); kết quả các kiểm tra, đánh giá đạt yêu cầu theo quy định của cơ sở đào tạo;

b) Học viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm a khoản này được cấp chứng nhận đạt yêu cầu khóa đào tạo nghiệp vụ về giám định quyền tác giả, quyền liên quan.



Phụ lục III

**MẪU BẢN TRONG LĨNH VỰC
TỜ KHAI QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**

*theo Nghị định số 134/2026/NĐ-CP
ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 02	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 04	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại
Mẫu số 05	Tờ khai đề nghị chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại
Mẫu số 10	Tờ khai yêu cầu cấp, cấp lại thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan
Mẫu số 11	Mẫu Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan

TỜ KHAI**ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC SỬ DỤNG TÁC PHẨM, CUỘC BIỂU DIỄN, BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH, CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG MÀ NHÀ NƯỚC LÀ ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN**

Kính gửi: (Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

① TỜ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số CC/CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
② TỜ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền) Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____ Người đại diện theo pháp luật: _____ Số CC/CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____ Địa chỉ: _____ Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____	
③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ Đề nghị (Tổ chức hành chính...) chấp thuận việc sử dụng tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng mà Nhà nước là đại diện quản lý quyền tác giả, quyền liên quan.	
④ TÁC PHẨM/CUỘC BIỂU DIỄN/BẢN GHI ÂM, GHI HÌNH/CHƯƠNG TRÌNH PHÁT SÓNG ĐỀ NGHỊ SỬ DỤNG Tên tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng: Loại hình tác phẩm: Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả/chủ sở hữu quyền liên quan (nếu có): Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng: Số GCN đăng ký quyền tác giả/GCN đăng ký quyền liên quan (nếu có):	
⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ <input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu <input type="checkbox"/> Kế hoạch sử dụng <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền tại Niên giám đăng ký về quyền tác giả, quyền liên quan <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền qua tổ chức đại diện tập thể quyền tác giả, quyền liên quan <input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền qua tổ chức, cá nhân đã hoặc đang sử dụng	KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận hồ sơ) <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> <div style="border: 1px solid black; padding: 5px; width: fit-content; margin-left: auto; margin-right: auto;"> Cán bộ nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ tên) </div>

<input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh đã nỗ lực tìm kiếm chủ thể quyền trên mạng	<input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	<input type="checkbox"/>

⑥ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:..... ngày ... tháng ... năm ...
Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC DỊCH TÁC PHẨM TỪ TIẾNG NƯỚC
NGOÀI SANG TIẾNG VIỆT ĐỂ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU
KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: *(Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan),*
 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

<p>① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ</p> <p>Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____</p> <p>Người đại diện theo pháp luật: _____</p> <p>Số CC/CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____</p> <p>Địa chỉ: _____</p> <p>Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>	
<p>② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền)</p> <p>Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____</p> <p>Người đại diện theo pháp luật: _____</p> <p>Số CC/CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____</p> <p>Địa chỉ: _____</p> <p>Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>	
<p>③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ</p> <p>Đề nghị (Tổ chức hành chính...) chấp thuận việc dịch tác phẩm từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.</p>	
<p>④ TÁC PHẨM ĐỀ NGHỊ DỊCH</p> <p>Tên tác phẩm: _____</p> <p>Loại hình tác phẩm: _____</p> <p>Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả:</p> <p>Họ và tên: _____ Quốc tịch: _____</p> <p>Địa chỉ: _____</p> <p>Số điện thoại: _____ Email: _____</p> <p>Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm: _____</p> <p>Thông tin khác về tác phẩm (nếu có): _____</p>	
<p>⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ</p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu</p> <p><input type="checkbox"/> Kế hoạch sử dụng</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh đã nỗ lực xin phép/tìm kiếm chủ sở hữu quyền tác giả</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện khác theo quy định</p>	<p>KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU <i>(Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</i></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p>

<input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	<input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận hồ sơ <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>
<p>⑥ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ</p> <p>Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: center;"><i>Khai tại: ngày ... tháng ... năm</i></p> <p style="text-align: center;">Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ <i>(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</i></p>		

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN VIỆC SAO CHÉP TÁC PHẨM
ĐỂ GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH THƯƠNG MẠI

Kính gửi: (Tổ chức hành chính giúp Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quyền tác giả, quyền liên quan),
 Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

<p>① TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ</p> <p>Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____</p> <p>Người đại diện theo pháp luật: _____</p> <p>Số CC/CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____</p> <p>Địa chỉ: _____</p> <p>Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>	
<p>② TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC ỦY QUYỀN (trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền)</p> <p>Tên đầy đủ: _____ /Tên Tiếng Anh, viết tắt (nếu có): _____</p> <p>Người đại diện theo pháp luật: _____</p> <p>Số CC/CCCD/ĐKKD: _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____</p> <p>Địa chỉ: _____</p> <p>Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____</p>	
<p>③ NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ</p> <p>Đề nghị (Tổ chức hành chính...) chấp thuận việc sao chép tác phẩm để giảng dạy, nghiên cứu không nhằm mục đích thương mại.</p>	
<p>④ TÁC PHẨM ĐỀ NGHỊ SAO CHÉP</p> <p>Tên tác phẩm: _____</p> <p>Loại hình tác phẩm: _____</p> <p>Thông tin về tác giả/chủ sở hữu quyền tác giả:</p> <p>Họ và tên: _____ Quốc tịch: _____</p> <p>Địa chỉ: _____</p> <p>Số điện thoại: _____ Email: _____</p> <p>Thông tin/nơi tiếp cận tác phẩm: _____</p> <p>Thông tin khác về tác phẩm (nếu có): _____</p>	
<p>⑤ CÁC TÀI LIỆU CÓ TRONG HỒ SƠ</p> <p><input type="checkbox"/> Tờ khai theo mẫu</p> <p><input type="checkbox"/> Kế hoạch sử dụng</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh đã nỗ lực xin phép/tìm kiếm chủ sở hữu quyền tác giả</p> <p><input type="checkbox"/> Tài liệu chứng minh đáp ứng điều kiện khác theo quy định</p>	<p style="text-align: center;">KIỂM TRA DANH MỤC TÀI LIỆU (Dành cho cán bộ nhận hồ sơ)</p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p> <p><input type="checkbox"/></p>

<input type="checkbox"/> Văn bản ủy quyền trong trường hợp nộp hồ sơ thông qua ủy quyền	<input type="checkbox"/>	Cán bộ nhận hồ sơ (Ký và ghi rõ họ tên)
<p>⑥ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN NỘP HỒ SƠ/ĐƯỢC ỦY QUYỀN NỘP HỒ SƠ Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.</p> <p style="text-align: center;"><i>Khai tại:..... ngày ... tháng ... năm ...</i> Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ/được ủy quyền nộp hồ sơ (Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)</p>		


⑥ CAM KẾT CỦA NGƯỜI NỘP HỒ SƠ

Tôi cam đoan mọi thông tin trong tờ khai trên đây là trung thực, đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Khai tại:..... ngày ... tháng ... năm ...

*Chữ ký, họ tên người nộp hồ sơ
(Ghi rõ chức vụ và đóng dấu, nếu có)*

MẪU THẺ GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN

	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
	GIÁM ĐỊNH VIÊN QUYỀN TÁC GIẢ, QUYỀN LIÊN QUAN Số:/ Năm-TGĐV
Ảnh 3x4cm	Họ và tên:
	Sinh ngày:
	Số CC/CCCD:.....cấp ngày.....tại
	Địa chỉ thường trú:
	Chuyên ngành giám định:
	Hình thức hoạt động giám định:
 ngày.....tháng.....năm..... THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN (Ký tên, đóng dấu)
	Họ và tên

NHỮNG ĐIỀU CẦN CHÚ Ý
<p>1. Thẻ này được cấp theo Quyết định số ... ngày ... của ...</p> <p>2. Người được cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan được hoạt động giám định quyền tác giả, quyền liên quan theo chuyên ngành và hình thức quy định.</p> <p>3. Thẻ giám định viên bị thu hồi đối với một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người được cấp Thẻ giám định viên không còn đáp ứng các quy định của pháp luật về điều kiện giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan;</p> <p>b) Người được cấp Thẻ giám định viên có hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động giám định bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền đề nghị thu hồi Thẻ giám định viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Có chứng cứ khẳng định Thẻ giám định viên được cấp trái với quy định của pháp luật.</p>

(Thẻ giám định quyền tác giả, quyền liên quan có kích thước 12 cm x 18 cm)